

Số: 559/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 13 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2017-2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Quốc phòng- Giáo dục Thể chất Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Thể chất (mã số 51140206)** trình độ cao đẳng hệ chính quy, khóa đào tạo 2017-2020.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Quốc phòng- Giáo dục Thể chất, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



TS. Nguyễn Đình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC THỂ CHẤT (Physical Education)

Mã số: 51140206. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

*(Ban hành theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHPY ngày 13 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên trung học cơ sở (THCS) đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông (GDPT) trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giáo viên THCS được đào tạo phải có tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực giáo dục, dạy học theo yêu cầu của chuẩn giáo viên THCS, có khả năng dạy tốt chương trình THCS mới, cũng như có khả năng đáp ứng được những thay đổi của GDPT trong tương lai; có kỹ năng nghiên cứu, tự bồi dưỡng khoa học giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản của các môn Giáo dục thể chất và vận dụng có hiệu quả vào công tác dạy học, giáo dục bộ môn ở trường Trung học cơ sở.

- Hiểu được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, cách thức kiểm tra và đánh giá kết quả dạy học môn Giáo dục thể chất ở trường THCS, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục ở THCS.

- Biết thiết kế, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa như: câu lạc bộ Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp trường,... biết xây dựng kế hoạch và soạn thảo được hệ thống bài tập, huấn luyện các đội tuyển tham gia thi đấu các giải Thể dục thể thao theo độ tuổi.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ:

- Có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu giảng dạy chương trình Giáo dục thể chất trong kế hoạch dạy học ở trường THCS, tổ chức các hoạt động ngoại khóa và các phong trào thể dục thể thao trong nhà trường (tổ chức thi đấu và công tác trọng tài).

- Thực hành và sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất trong chương trình ở THCS.

- Tổ chức, huấn luyện các đội tuyển Điền kinh, Cầu lông, Bóng đá,... tham gia thi đấu ở Hội khỏe Phù Đổng cấp cơ sở.

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao và tinh thần hợp tác làm việc theo nhóm.

- Có thái độ giao tiếp thân thiện với đồng nghiệp.

- Có thói quen luyện tập thể dục thể thao và sẵn sàng hướng dẫn giúp đỡ mọi người tham gia luyện tập thể dục thể thao.

1.2.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Làm giáo viên dạy môn học Giáo dục thể chất trong các trường THCS.
- Cán bộ chuyên trách thể dục thể thao ở phòng giáo dục, phòng văn hóa, thể thao và du lịch.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Đạt trình độ Tiếng Anh A2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; sử dụng được tiếng Anh trong đọc, dịch và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông); Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học trong soạn thảo văn bản, xử lý số liệu, thiết kế bài giảng điện tử và thuyết trình. Khai thác và sử dụng Internet, Email để phục vụ nghề nghiệp và cuộc sống.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao:

- Tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.
- Tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn để đạt các chuyên ngành tương ứng.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 107 tín chỉ (chưa kể Giáo dục Quốc phòng – An ninh 165 tiết).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể GDQP – AN)	32	28	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	75	71	4
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	13	11	2
2.2	Kiến thức ngành	40	38	2
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	16	16	0
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	6	0
Tổng cộng		107	99	8

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐBGDDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Ngoài quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường còn có một số quy định thêm cho phù hợp với đặc thù môn học.

- Tích lũy đủ 107 tín chỉ (chưa kể Giáo dục quốc phòng - an ninh 165 tiết) theo chương trình đào tạo đã được thiết kế.

6. Thang điểm: Thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03/8/2015 về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng trường Đại học Phú Yên.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Số thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			32	400	45	70	0	
7.1.1. Lý luận chính trị			10	150	0	0	0	
1	LC210012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC210113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	1
3	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
7.1.2. Ngoại ngữ			9	90	45	0	0	
5	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
6	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	5
7	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	6
7.1.3. Khoa học xã hội – nhân văn			4	45	0	30	0	
8	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
9	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
7.1.4. Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường :			9	115	0	40	0	
- Bắt buộc:			5	55	0	40	0	
10	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
11	TN216012	Xác suất - Thống kê	2	30	0	0	0	
- Tự chọn: chọn 4/8 tín chỉ			4	60	0	0	0	
12	TN242022	Sinh hóa	2	30	0	0	0	
13	TC243022	Sinh cơ TĐTT						
14	LC210122	Logic học đại cương	2	30	0	0	0	
15	TN243012	Môi trường và con người						
7.1.5	TC260018	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			75	570	25	850	315	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			13	180	0	0	45	
- Bắt buộc			11	150	0	0	45	
16	TC243112	Lịch sử thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
17	TN242062	Giải phẫu học	2	30	0	0	0	
18	TC243042	Sinh lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	17, 45
19	TC243062	Tâm lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	45, 46
20	TC243122	Vệ sinh học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	18
21	TC243181	Thực tế bộ môn (1 tuần)	1	0	0	0	45	
- Tự chọn: chọn 2/6 tín chỉ			2	30	0	0	0	
22	TC243132	Y học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
23	TC243142	Đo lường thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
24	TC243172	Thể thao trường học	2	30	0	0	0	25
7.2.2. Kiến thức ngành			40	235	0	730	0	
- Bắt buộc:			38	225	0	690	0	
25	TC243153	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	3	45	0	0	0	
26	TC243162	Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT	2	30	0	0	0	
27	TC210042	Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung	2	10	0	40	0	
28	TC210052	Thể dục nhào lộn	2	10	0	40	0	27

29	TC210062	Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn	2	10	0	40	0	27
30	TC221043	Chạy cự ly ngắn - Chạy tiếp sức – Chạy cự ly trung bình	3	15	0	60	0	
31	TC221052	Nhảy xa	2	10	0	40	0	
32	TC221062	Nhảy cao	2	10	0	40	0	
33	TC221072	Ném bóng - Đẩy tạ	2	10	0	40	0	
34	TC232112	Bơi lội	2	10	0	40	0	
35	TC232043	Bóng chuyền	3	10	0	70	0	
36	TC232053	Bóng đá	3	10	0	70	0	
37	TC232122	Cầu lông	2	10	0	40	0	
38	TC232132	Đá cầu	2	10	0	40	0	
39	TC232141	Trò chơi vận động	1	5	0	20	0	
40	TC232102	Cờ vua	2	10	0	40	0	
41	TC232153	Võ cổ truyền	3	10	0	70	0	
- Tự chọn:			2	10	0	40	0	
42	TC232072	Bóng bàn	2	10	0	40	0	
43	TC232162	Bóng ném						
44	TC232082	Bóng rổ						
7.2.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			16	155	25	120	0	
45	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
46	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	45
47	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
48	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	47
49	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
50	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	49
51	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	50
52	TL212012	Công tác Đội thiếu niên tiên phong HCM	2	15	0	30	0	
53	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	1, 2, 8, 45, 46, 47
7.2.4. Thực tập sư phạm tốt nghiệp			6	0	0	0	270	giờ
54	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (9 tuần)	6	0	0	0	270	giờ
Tổng cộng			107	970	70	920	315	giờ

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC210012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
3	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
4	TC243112	Lịch sử thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
5	TC210042	Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung	2	10	0	40	0	
6	TC221043	Chạy cự ly ngắn - Chạy tiếp sức – Chạy cự ly trung bình	3	15	0	60	0	
7	TN242062	Giải phẫu học	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			17	170	15	140	0	

8.2. Học kỳ II: 21 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	LC210113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	
3	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
4	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
6	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
7	TN216012	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	
8	TC210052	Thế dục nhào lộn	2	10	0	40	0	
9	TC221052	Nhảy xa	2	10	0	40	0	
10	TC243042	Sinh lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			21	225	20	140	0	

8.3. Học kỳ III: 20 TC (bắt buộc: 18 TC; tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc			18	170	25	150	0	
1	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	
3	TL210022	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
4	TL211012	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TL210061	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	
6	TC243122	Vệ sinh học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
7	TC221062	Nhảy cao	2	10	0	40	0	
8	TC210062	Thế dục nhịp điệu và thế dục đồng diễn	2	10	0	40	0	
9	TC232122	Cầu lông	2	10	0	40	0	
- Tự chọn			2	30	0	0	0	
10	LC210122	Logic học đại cương	2	30	0	0	0	
	TN243012	Môi trường và con người						
Tổng cộng			20	200	25	150	0	

8.4. Học kỳ IV: 20 TC (bắt buộc: 18 TC; tự chọn: 2 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc			18	160	10	170	45 giờ	
1	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
2	TL211023	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS	3	35	10	0	0	
3	TL210071	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
4	TL212012	Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	15	0	30	0	
5	TC243153	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao	3	45	0	0	0	
6	TC221072	Ném bóng - Đẩy tạ	2	10	0	40	0	
7	TC232043	Bóng chuyền	3	10	0	70	0	
8	TC243181	Thực tế bộ môn (1 tuần)	1	0	0	0	45 giờ	
9	TC260018	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
- Tự chọn			2	30	0	0	0	
10	TN242022	Sinh hóa	2	30	0	0	0	
	TC243022	Sinh cơ TDTT						
Tổng cộng			20	190	10	170	45 giờ	

8.5. Học kỳ V: 15TC (bắt buộc: 13TC, tự chọn: 2TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			13	120	0	150	0	
2	TL211222	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
3	TC243062	Tâm lý học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
4	TC232132	Đá cầu	2	10	0	40	0	
5	TC243162	Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT	2	30	0	0	0	
6	TC232053	Bóng đá	3	10	0	70	0	
7	TC232112	Bơi lội	2	10	0	40	0	
- Tự chọn:			2	10	0	40	0	
8	TC232072	Bóng bàn	2	10	0	40	0	
9	TC232162	Bóng ném	2	10	0	40	0	
10	TC232082	Bóng rổ	2	10	0	40	0	
Tổng cộng			15	130	0	190	0	

8.6. Học kỳ VI: 14 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 2TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			12	25	0	130	270 giờ	
1	TC232141	Trò chơi vận động	1	5	0	20	0	
2	TC232102	Cờ vua	2	10	0	40	0	
3	TC232153	Võ Cổ truyền	3	10	0	70	0	
4	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (9 tuần)	6	0	0	0	270 giờ	
- Tự chọn:			2	30	0	0	0	
5	TC243132	Y học thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
6	TC243142	Đo lường thể dục thể thao	2	30	0	0	0	
7	TC243172	Thể thao trường học	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			14	55	0	130	270 giờ	

9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác - Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

9.5. Tiếng Anh 1 (A2.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ sơ cấp (A2.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.6. Tiếng Anh 2 (A2.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ sơ cấp (A2.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.7. Tiếng Anh 3 (A2.3)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn

luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.8. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

9.9. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm. Từ đó, góp phần rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông. Cụ thể có các kỹ năng như sau:

- Kỹ năng phát triển bản thân.
- Kỹ năng công cụ:
 - + Kỹ năng ngôn ngữ
 - + Kỹ năng tính toán và sử dụng công nghệ thông tin.
- Kỹ năng hoạt động trải nghiệm:
 - + Kỹ năng tổ chức cộng đồng.
 - + Kỹ năng tự nhận thức và tích cực hóa bản thân.
 - + Kỹ năng quản lý cuộc sống.
 - + Kỹ năng định hướng nghề nghiệp.
- Kỹ năng chung sống:
 - + Kỹ năng giao tiếp.
 - + Kỹ năng hợp tác.

9.10. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.11. Xác suất - Thống kê

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, Tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại cương ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng. Thống kê: Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9.12. Sinh hoá

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc, vai trò, sự trao đổi các chất đường, đạm, mỡ, các chất khoáng, men, vitamin và hooc môn trong cơ thể; cấu trúc hoá học của cơ, xương, cơ tim; cơ chế hoá học của sự co cơ và quá trình tạo năng lượng trong cơ thể.

9.13. Sinh cơ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cần thiết về nguyên lý, kỹ thuật các môn thể thao được xây dựng tuân theo nguyên tắc, định luật cơ học nhất định. Từ đó, giúp cho sinh viên trở thành người giáo viên có chủ động chọn lựa, soạn thảo các động tác, bài tập dạy cho học sinh.

9.14. Logic học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức về logic học hình thức, các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy. Qua đó sinh viên được rèn luyện và nâng cao tư duy khoa học.

9.15. Môi trường và con người

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị các kiến thức về khoa học môi trường: Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ; các nguyên lý cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường; dân số học và sự phát triển dân số; nhu cầu của con người; khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường; chương trình bảo vệ môi trường.

9.16. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

165 tiết

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

9.17. Lịch sử thể dục thể thao

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử của TDTT, sự hình thành những quan điểm, các trường phái TDTT, sự nảy sinh và phát triển của phong trào TDTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Sinh viên có thể vận dụng kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TDTT nói chung và lĩnh vực hoạt động của bản thân nói riêng. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị TDTT của dân tộc, có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

9.18. Giải phẫu học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức về hình thái và cấu tạo các hệ cơ quan trong cơ thể, sự khác nhau về cấu tạo của các cơ quan ở các lứa tuổi và giới tính, sự ảnh hưởng của tập luyện thể dục thể thao đến các hệ cơ quan, đặc biệt hệ vận động. Là

học phần cơ sở để học các nội dung về Sinh lý học, Sinh cơ, Sinh hóa trong vận động và Vệ sinh và y học thể dục thể thao.

9.19. Sinh lý học thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu học, Tâm lý học đại cương.

Học phần trang bị những kiến thức về sinh lý cơ thể trong hoạt động thể dục thể thao, đặc điểm sinh lý tuổi học sinh THCS và hiểu rõ cơ chế sinh lý học của những môn thể thao phổ cập.

9.20. Tâm lý học thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý hình thành kĩ năng vận động, những yêu cầu tâm lý trong giảng dạy động tác, giáo dục ý chí, tình cảm, đặc điểm tâm lý trong tập luyện và thi đấu thể thao.

9.21. Vệ sinh học thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học thể dục thể thao.

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Vệ sinh học trong tập luyện, kiểm tra hình thái, các chức năng và cách hoạt động để tăng cường sức khỏe, thể lực như phòng tránh, khắc phục một số hiện tượng gặp trong hoạt động thể dục thể thao.

9.22. Thực tế bộ môn (1 tuần) **1TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần rèn luyện cho sinh viên vận dụng vào thực tế để đem những kiến thức đã được học tại trường, vận dụng vào việc ghi chép và thu thập tài liệu, lấy tư liệu từ thực tế, rèn luyện khả năng chất lọc, tìm tòi những cái hay, cái đẹp của cuộc sống, phục vụ cho việc học tập. Đặc biệt, đối với sinh viên học giáo dục thể chất thì đi thực tế chuyên môn chính là sự khẳng định bản thân trong quá trình thâm nhập thực tế thông qua nghề nghiệp.

9.23. Y học thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý học TĐTT.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện TĐTT, biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TĐTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

9.24. Đo lường thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TĐTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

9.25. Thể thao trường học **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp TĐTT.

Thể thao trường học là một môn học chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức các hoạt động TĐTT trong trường học. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, đặc điểm tâm sinh lý học sinh phổ thông về giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực cũng như các phương pháp tổ chức hoạt động TĐTT nói chung trong các trường học

thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành kỹ năng sư phạm TĐTT, xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp của người cán bộ, giáo viên TĐTT.

9.26. Lý luận và phương pháp thể dục thể thao **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nhằm trang bị cho sinh viên có hệ thống các lý luận, phương pháp giáo dục thể chất, lịch sử phát triển thể dục thể thao trên thế giới và Việt Nam, về quản lý trong thể dục thể thao. Từ đó hình thành năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên.

9.27. Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu cho sinh viên qui trình tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học, cách chọn những test đặc trưng của thể dục thể thao và cách viết một báo cáo khoa học.

9.28. Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung **2TC**

Điều kiện tiên quyết: không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ thể dục, các động tác cơ bản, bài thể dục phát triển chung, bài tập thể dục thể hình, đội hình đội ngũ và phương pháp giảng dạy bài thể dục phát triển chung, đội hình đội ngũ cho học sinh THCS.

9.29. Thể dục nhào lộn **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung.

Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục nhào lộn, cách tổ chức và giảng dạy cho học sinh THCS.

9.30. Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung.

Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm, thuật ngữ, các động tác cơ bản và phương pháp tập luyện thể dục nhịp điệu, thể dục đồng diễn, cách tổ chức và giảng dạy cho học sinh THCS.

9.31. Chạy cự ly ngắn - Chạy tiếp sức – Chạy cự ly trung bình **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật của môn chạy cự ly ngắn, chạy tiếp sức và chạy cự ly trung bình, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài, phương pháp dạy học và nâng cao sức bền cho học sinh THCS.

9.32. Nhảy xa **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về nguyên lý, kỹ thuật, ý nghĩa, tác dụng của môn nhảy xa. Nắm được phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn nhảy xa. Hiểu và nắm được một số điều luật cơ bản của bộ môn.

9.33. Nhảy cao **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật của môn nhảy cao, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy cho học sinh THCS.

9.34. Ném bóng - Đẩy tạ **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý, kỹ thuật của môn ném bóng, đẩy tạ, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài và phương pháp giảng dạy cho học sinh THCS.

9.35. Bơi lội

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi lội cấp cơ sở, đồng thời biết sơ lược bơi thực dụng; hoàn thiện kỹ thuật kiểu bơi thể thao trườn sấp và bơi ếch, biết sử dụng môn bơi lội như một phương tiện nhằm phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho mọi đối tượng.

9.36. Bóng chuyền

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền.

Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.37. Bóng đá

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài.

Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản của bóng đá. Phát triển năng lực vận động; biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

9.38. Cầu lông

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy môn cầu lông. Bồi dưỡng cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng trở thành hướng dẫn viên cầu lông ở các cơ sở khi ra trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ chiến thuật cơ bản quan trọng của môn cầu lông. Hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên để có thể hướng dẫn cho người mới tập.

9.39. Đá cầu

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn đá cầu để có khả năng giảng dạy hướng dẫn, tổ chức thi đấu và trọng tài ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học và cơ sở.

9.40. Trò chơi vận động

1TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giúp cho sinh viên nắm được những cơ sở lý luận và phương pháp tiến hành của trò chơi nói chung và trò chơi vận động, phương pháp vận dụng trò chơi vận động vào thực

tiến công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Học phần này còn trang bị cho sinh viên phương pháp biên soạn một TCVD góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm trong việc khôi phục, duy trì và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

9.41. Cờ vua

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn Cờ vua, về những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. Biết suy nghĩ độc lập và sáng tạo giải quyết các nhiệm vụ, tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ, chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

9.42. Võ Cổ truyền

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về võ dân tộc cổ truyền; ý nghĩa, lợi ích, tác dụng của môn võ cổ truyền; phương pháp tập luyện, giảng dạy cho học sinh.

9.43. Bóng bàn

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn bóng bàn; phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài một giải bóng bàn ở trường THCS.

9.44. Bóng ném

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn bóng ném; phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài một giải bóng rổ ở trường THCS.

9.45. Bóng rổ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên: Nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ, hình thành một số kỹ thuật động tác cơ bản của bóng rổ, trên cơ sở đó tự tập nâng cao sức khoẻ và năng lực chơi bóng rổ cho bản thân. Biết cách hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia luyện tập, nắm vững luật, biết làm trọng tài và thi đấu bóng rổ ở cơ sở.

9.46. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, Thực tập sư phạm); bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

9.47. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh

THCS. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THCS.

9.48. Giáo dục học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần: Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

9.49. Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS

3TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương.

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường THCS; các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.

Học phần còn cung cấp những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học đại cương, các đặc điểm cơ bản của hoạt động dạy học ở trường THCS, giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường THCS, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học ở trường THCS.

9.50. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

3TC

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường THCS; các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.

Học phần còn cung cấp những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học đại cương, các đặc điểm cơ bản của hoạt động dạy học ở trường THCS, giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường THCS, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học ở trường THCS.

A. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

1TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

1. Học tập rèn luyện những kỹ năng chung:

- SV chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch, biện pháp tự hoàn thiện những phẩm chất năng lực của bản thân.

- Rèn luyện phong cách văn hóa- sư phạm trong giao tiếp; vận dụng kiến thức tâm lý học và giáo dục học để giải quyết một số tình huống xảy ra trong thực tiễn giáo dục.

- Tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của trường THCS, xây dựng phương pháp học tập nghiên cứu ở trường đại học.

2. Học tập những kỹ năng chuyên ngành đào tạo:

- Luyện và chữa lỗi phát âm.

- Tập viết chữ, trình bày bảng.

B. Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 1.

1. Học tập, rèn luyện một số kỹ năng chung:

- Tập luyện một số kỹ năng hoạt động dạy học, giáo dục.

- Tập luyện một số bài hát, điệu múa và nghi thức đội.

- Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.
- 2. Học tập rèn luyện những kỹ năng riêng:
 - Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể ở THCS.
 - Thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục và các kế hoạch khác.

C. Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 2.

1. Tập dượt NCKHGD.
 2. Tập viết một số văn bản hành chính.
 3. Rèn luyện kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo.
- * Thực hành ở trường THCS 15 tiết

9.51. Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác tổ chức và hoạt động Đội. Trang bị cho sinh viên những vấn đề về lý luận và định hướng chỉ đạo có ý nghĩa rất quan trọng cho công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong giai đoạn cách mạng hiện nay.
- Thực hành thành thạo các kỹ năng của người đội viên và kết hợp các động tác để phối hợp thực hiện các đội hình, đội ngũ, nghi lễ của Đội. Vận dụng nội dung nghi thức đội vào học tập sinh hoạt hàng ngày.
- Những nội dung cơ bản của các hoạt động mang tính nghiệp vụ của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Tổ chức, chỉ đạo, thực hành và hướng dẫn thực hành các hoạt động mang tính nghiệp vụ Đội.

9.52. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 và 2; Pháp luật đại cương; các học phần Tâm lý học và Giáo dục học.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm, trình độ CĐ hệ thống tri thức về quản lý nhà trường trung học cơ sở (THCS): Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường THCS; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường THCS; Phát triển chương trình nhà trường THCS theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên THCS; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường THCS của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục THCS; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường THCS; Quản lý tài chính trường THCS theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường THCS trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường THCS; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường THCS.

9.53. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

6 TC

- Thực tập sư phạm tốt nghiệp bao gồm:
 - + Tìm hiểu tình hình địa phương, nhà trường thực tập.
 - + Thực tập giảng dạy.
 - + Thực tập công tác giáo dục.
 - + Làm bài tập nghiên cứu khoa học.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1 Logic học đại cương
2	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, PTP. Phòng Đào tạo	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2003	Triết học Lịch sử triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2
3	Trần Văn Tàu, 1975, TBM Tư tưởng HCM và Đường lối CM của Đảng CS Việt nam	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
5	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
6	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 2
7	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
8	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Phó trưởng khoa Lý luận chính trị	GV	ThS, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
9	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, PTK. Khoa TL - GD	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Văn học	1. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm 2. Công tác Đội TNTP HCM
10	Huỳnh Minh Giảng, 1969, PTP. Phòng Khảo thí	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2005	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
11	Nguyễn Tiên Thành, 1960, PTK. Khoa TH-MN	GVC, 2010	ThS, Việt Nam, 2005	Toán học	Xác suất - Thống kê
12	Nguyễn Thị Kiều Thu, 1965, Trưởng Bộ môn Sinh - MT	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 1999	Sinh học	Sinh hóa
13	Đỗ Trọng Đăng, 1984, Phòng Đào tạo	GV	ThS, Việt Nam, 2008	Sinh học	1. Giải phẫu người 2. Sinh cơ TĐTT

14	Dương Thị Oanh, 1986, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2016	Sinh học	Môi trường và con người
15	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2004	Tâm lý học và Giáo dục học	1. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1 2. Giáo dục học đại cương
16	Phan Thị Lan, 1970, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2004	Tâm lý học & Giáo dục học	1. Hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở. 2. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.
17	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2, 3
18	Bùi Hữu Mô, 1960, Trưởng khoa Tâm lý giáo dục.	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 2004	Tâm lý học và Giáo dục học	Tâm lý học đại cương
19	Lê Bạt Sơn, 1967, Giám đốc Trung tâm TV&HTSV	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	Quản lý nhà trường
20	Trường Quân sự tỉnh Phú Yên				Giáo dục quốc phòng – an ninh
21	Trần Đắc Ân, 1966, Phó trưởng khoa Khoa GDTC&GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GDTC	1. Đại cương về thể dục, thể dục phát triển chung 2. Thể dục nhịp điệu và thể dục đồng diễn
22	Nguyễn Tiến Đạt, 1957, Phó trưởng khoa phụ trách, Khoa GDTC&GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1989	GDTC	1. Thể thao trường học 2. Đá cầu
23	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GDTC	1. Chạy cự li ngắn - Chạy Tiếp sức – cự li trung bình 2. Ném bóng – Đẩy tạ
24	Nguyễn Minh Cường, 1985, PTK GDTC-GDQP	GV	ThS, Việt Nam, 2011	GDTC	1. Võ cổ truyền Việt Nam 2. Lý luận và phương pháp thể dục thể thao
25	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2011	GDTC	1. Cầu lông 2. Lịch sử thể dục thể thao
26	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2013	GDTC	1. Sinh lý học thể dục thể thao 2. Y học thể dục thể thao
27	Nguyễn Quốc Trầm, 1983, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2014	Khoa học GDTC	1. Tâm lý học thể dục thể thao 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục Thể Thao
28	Phạm Minh Quang, 1989, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2013	GDTC	1. Đo lường thể dục thể thao 2. Bóng chuyền

29	Võ Lê Tuấn Duy, 1990, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2016	GDTC	1. Trò chơi vận động 2. Bóng đá
----	-------------------------------------	----	------------------------	------	------------------------------------

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Cao Văn Thử, 1938, Giảng viên	GV	TS, CHLB Nga 1972	KHGD	Vệ sinh học thể dục thể thao
2	Hoa Ngọc Thắng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Trung Quốc, 2012	GDTC	1. Nhảy xa 2. Bóng bàn
3	Vũ Việt Bảo, 1976, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2010	GDTC	1. Bơi 2. Nhảy cao
4	Lê Tấn Xin, 1982, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2012	GDTC	1. Bóng rổ 2. Bóng ném
5	Nguyễn Ngọc Đông, 1977, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2010	GDTC	1. Thể dục nhào lộn 2. Cờ vua

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- 1 phòng học lý thuyết có trang bị Projector;
- 1 phòng tập thực hành môn thể dục có nệm bảo hiểm và gương soi;
- 1 sân tập môn điền kinh: 2 đường chạy 100 mét, 2 hố nhảy xa, nhảy cao, 2 sân đẩy tạ;
- 1 sân bóng đá, 2 sân bóng chuyên;
- 1 nhà tập đa chức năng: 3 sân cầu lông, 10 bàn bóng bàn.
- Trường Đại học Phú Yên hiện có các phòng thí nghiệm thực hành với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại để triển khai các bài thí nghiệm thực hành và cả nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên. Nhà trường có phòng nuôi cấy mô thực vật và vườn ươm cây con sau khi ra khỏi phòng thí nghiệm.

11.2. Thư viện

Thư viện có đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (Khoảng 10.000 đầu sách và 1236 m² sử dụng). Trong đó có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo.

Hiện nay nhà trường đã có thư viện điện tử.

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu của ngành đào tạo
11.3.1. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho học phần/môn học
1	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1, 2
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục	2015	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
4	New Headway – Pre-Intermediate	John and Liz Soars & Mike Sayer	Oxford University Press	2000	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3
5	Tiếng Anh trong thể thao	Trần Quang Hải, Nguyễn Thị Mỹ Nga, Đoàn Minh Hữu	Thông tin-Truyền thông	2013	Tiếng Anh 3
7	Nhập môn về cơ sinh học TĐTT: Giáo trình dành cho CĐSP	Nguyễn Thanh Mai; Nguyễn Danh Thái; Huỳnh Trọng Khải	Hà Nội	2006	Sinh cơ học TĐTT
8	GT Xác suất & Thống kê	Nguyễn Đình Hiền	ĐHSP Hà Nội	2003	Xác suất – Thống kê
9	Giáo trình Logic học nhập môn,	Nguyễn Huy Vị	Phương Đông, TP.HCM.		Nhập môn Logic học
10	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	Giáo dục	1997	Môi trường và con người
11	Giáo trình Tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc; Hồ Đắc Phương	ĐH Sư phạm	2004	Tin học đại cương
12	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015	Pháp luật đại cương
13	Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh	Nguyễn Thị Chi	Giáo dục	2017	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
14	Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo	Trương Xuân Cảnh	Giáo dục	2017	

	dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh				
15	Tâm lý học ĐC	Nguyễn Quang Uẩn; Thân Trọng Thủy	ĐHSP	2004	Tâm lý học đại cương
16	Giáo trình TLH lứa tuổi & TLHSP	Nguyễn Kế Hào; Nguyễn Quang Uẩn	ĐHSP	2004	Tâm lý học lứa tuổi và TLHSP
17	TLH lứa tuổi & TLHSP	Lê Văn Hồng; Lê Ngọc Lan; Nguyễn Văn Thành	ĐHQG Hà Nội	2007	Giáo dục học đại cương
18	Những vấn đề chung của Giáo dục học	Thái Duy Tuyên	ĐHSP	2003	
19	Lý luận giáo dục	Phạm Việt Vượng	ĐHSP	2005	Hoạt động giáo dục và dạy học ở trường THCS
20	Lý luận dạy học ở trường THCS	Nguyễn Ngọc Bảo; Trần Kiên	ĐHSP	2005	Rèn luyện NV SP TX 1,2,3
21	RLNVSPTX	Phạm Trung Thanh; Nguyễn Như Lý	ĐHSP	2004	
22	Giải phẫu sinh lý người	Tạ Thúy Loan (Chủ biên), Trần Thị Loan	ĐHSP Hà Nội	2006	Giải phẫu học
23	Vệ sinh y học TĐTT	Nông Thị Hồng; Lê Quý Phương	ĐHSP	2005	Vệ sinh thể dục thể thao
24	Tâm lý học TĐTT: Sách dùng cho các trường CĐ Sư phạm	PGS.TS. Lê Văn Xem	ĐHSP	2003	Tâm lý học thể dục thể thao
25	Thể dục: Dùng cho các trường CĐSP	Vũ Thanh Sơn; Nguyễn Danh Hoàng Việt	ĐHSP	2003	1. Đại cương thể dục, TD phát triển chung 2. TD nhịp điệu và TD đồng diễn 3. Thể dục nhào lộn
26	Thể dục: Giáo trình dành cho sinh viên CĐSP chuyên ngành GDTC	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2003	
27	Thể dục: Giáo trình dành cho sinh viên CĐSP chuyên ngành GDTC	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2003	1. Chạy cự li ngắn – chạy tiếp sức – Chạy cự li trung bình 2. Nhảy xa 3. Nhảy cao 4. Ném bóng, đẩy tạ
28	Luật điền kinh		TĐTT	2001	
29	Boi lội: Giáo trình CĐSP	PGS. Nguyễn Văn Trạch;	ĐHSP	2004	Boi lội

		TS. Ngử Duy Anh			
30	Lý luận và phương pháp TĐTT: Giáo trình dành cho CĐSP	PGS.TS. Vũ Đức Thu; TS. Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2007	Lí luận, phương pháp giáo dục thể chất
31	Tài liệu học tập và huấn luyện Võ cổ truyền Việt Nam I,II	Lê Kim Hòa	Trẻ TPHCM	2012	Võ cổ truyền
32	Bóng chuyền: Giáo trình CĐSP	Nguyễn Việt Minh; Hồ Đắc Sơn	ĐHSP	2004	Bóng chuyền
33	Luật bóng chuyền bãi biển		TĐTT	2000	
34	Bóng đá: Giáo trình CĐ Sư phạm	TS. Nguyễn Quang	ĐHSP	2004	Bóng đá
35	Luật bóng đá		TĐTT	2000	
36	Giáo trình sinh lý TĐTT	Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên	TĐTT	2003	Sinh lý học TĐTT
37	Lịch sử TĐTT	Nguyễn Xuân Sinh, Nguyễn Thị Xuyên.	TĐTT	2000	Lịch sử TĐTT
38	Giáo trình Sinh hóa TĐTT	Đào Hùng Cường, Nguyễn Nho Dũng, Lê Văn Xanh	TĐTT	2013	Sinh hóa TĐTT
39	Giáo trình y học TĐTT	Lê Tấn Đạt	TĐTT	2012	Y học TĐTT
40	Giáo trình đá cầu	Nguyễn Hữu Thái	TĐTT	2011	Đá cầu
41	Giáo trình trò chơi vận động	Đình Văn Lãm, Đào Bá Tri	TĐTT	2007	Trò chơi vận động
42	Giáo trình bóng ném	Nguyễn Hùng Quân	TĐTT	2002	Bóng ném
43	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân	TĐTT	2003	Bóng rổ
44	Giáo trình cờ vua	Đàm Quốc Chính	ĐHSP	2007	Cờ vua
45	Giáo trình bóng bàn	PGS.TS Nguyễn Danh Thái	ĐHSP	2010	Bóng bàn
46	Giáo trình cầu lông	Trần Văn Vinh	TĐTT	2011	Cầu lông
47	Thể thao trường học	PGS.TS Lê Thiết Can	TĐTT Tp.HCM	2015	Thể thao trường học
48	Giáo trình quản lý nhà trường	PGS.TS Lưu Xuân Mới	NXBGD	2015	Quản lý nhà trường
49	Giáo trình PP NCKH trong TĐTT	PGS.TS Nguyễn Tiên Tiến	ĐHTĐTT TP.HCM	2016	Phương pháp NCKH

50	PP tổ chức công tác Đội TNTP HCM	Bộ GD&ĐT	Giáo dục	2010	Công tác Đội TNTP HCM
51	Giáo trình đo lường thể thao	Đỗ Vĩnh Trịnh Hữu lộc.	Thể dục thể thao	2010	Đo lường thể dục thể thao

11.3.2. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho học phần/môn học
1	Phương pháp giảng dạy và huấn luyện đá cầu	Vụ thể thao quần chúng	TĐTT	2009	Đá cầu
2	Luật đá cầu	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2009	Đá cầu
3	Những trò chơi dã ngoại và hội hè	Dorothy Woolfson	Hồng Đức	2008	Trò chơi vận động
4	Luật thi đấu điền kinh	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2010	Các HP Điền kinh
5	Chạy cự ly ngắn	Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Đại Dương dịch	TĐTT	2002	Các HP Điền kinh
6	Điền kinh trong trường phổ thông	Nguyễn Quang Hưng	TĐTT	2006	Các HP Điền kinh
7	Hướng dẫn công tác trọng tài điền kinh	Ủy ban TĐTT		2013	Các HP Điền kinh
8	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng đá	Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh	TĐTT	2009	Bóng đá
9	Luật thi đấu bóng đá 5 người (Futsal)	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2011	Bóng đá
10	Luật thi đấu bóng đá	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2013	Bóng đá
11	Luật bóng đá 7 người	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2010	Bóng đá
12	Luật thi đấu bóng bàn		Hà Nội	2011	Bóng bàn
13	Hướng dẫn tập Bóng bàn	Trịnh Chí Trung	TĐTT	2010	Bóng bàn
14	Hỏi đáp về kỹ thuật bóng bàn	Văn Thái	TĐTT	2012	Bóng bàn
15	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng chuyền	Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh	TĐTT	2009	Bóng chuyền
16	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển	Ủy ban TĐTT	Hà Nội	2013	Bóng chuyền
17	Luật bóng chuyền	Ủy ban TĐTT	TĐTT	2007	Bóng chuyền
18	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền hơi	Văn Thái	TĐTT	2010	Bóng chuyền

19	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền	Văn Thái - Trọng Đức	TDTT	2010	Bóng chuyền
20	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng ném	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Bóng ném
21	Luật bóng ném	Ủy ban TDTT	TDTT	2006	Bóng ném
22	Kỹ chiến thuật bóng ném	Nguyễn Hùng Quân	TDTT	1999	Bóng ném
23	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Bóng rổ	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Bóng rổ
24	Hệ thống các bài tập kỹ thuật bóng rổ	Đình Can	TDTT	2006	Bóng rổ
25	Luật bơi		TDTT	2013	Bơi lội
26	Phương pháp dạy bơi ban đầu cho trẻ thơ	Nguyễn Văn Trạch	TDTT	2010	Bơi lội
27	Phương pháp và tổ chức thi đấu & trọng tài cầu lông	Trần Văn Vinh	TDTT	2005	Cầu lông
28	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Cầu lông	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Cầu lông
29	Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu Cầu lông	Mai Luân	TDTT	2009	Cầu lông
30	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Cờ vua	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Cờ vua
31	Luật thi đấu cờ vua	Ủy ban TDTT	Hà Nội	2011	Cờ vua
32	Cờ vua khoa học-kinh nghiệm-trình độ	Điôtnhic	TDTT	2010	Cờ vua
33	Cờ vua những bài tập cờ thế đặc sắc	Mai Luân.	TDTT	2010	Cờ vua
34	Luật thi đấu các môn bóng những điều luật cơ bản	Trịnh Quốc Dương	TDTT	2008	Các môn bóng
35	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn Thể dục	Trường TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Các HP Thể dục
36	Đồng diễn thể dục	Trần Phúc Phong	TDTT	2008	Các HP Thể dục
37	Tìm hiểu võ thuật Việt Nam	Hồ Tường.	Trẻ	2010	Võ cổ truyền
38	Sinh hoá học TDTT	V.V.Mensicóp	TDTT	2010	Sinh hoá TDTT
39	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn y học TDTT	Trường TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Y học TDTT
40	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn sinh lý	Trường ĐH TDTT Bắc	TDTT	2009	Sinh lý học TDTT

	học TDTT	Ninh			
41	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn sinh hóa, sinh cơ, vệ sinh TDTT	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Sinh hóa, sinh cơ, vệ sinh TDTT
42	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn giải phẫu học TDTT	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	TDTT	2009	Giải phẫu người
43	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	<i>Matvéep L.P.</i>	TDTT	1976	Thể thao trường học
44	Học thuyết huấn luyện	<i>Matxcova</i>	<i>TDTT Hà Nội</i>	1999	Thể thao trường học

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, trình độ cao đẳng được soạn thảo theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa được thiết kế gồm 107 tín chỉ (chưa kể Giáo dục quốc phòng – An ninh 8 tín chỉ); đào tạo trong 3 năm; phân bố trong 6 học kỳ.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết. Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình Sư phạm Tin học được thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Chương trình được thiết kế theo hướng giảm bớt tính hàn lâm, lý thuyết trong các học phần. Tăng cường tính thực hành, ứng dụng thực tế nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo của sinh viên. Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu tạo điều kiện cho sinh viên tự nâng cao trình độ. Nội dung các học phần bám sát chương trình Giáo dục Thể chất ở trường Phổ thông để đáp ứng nhu cầu đào tạo, chuẩn bị cho sinh viên có khả năng giảng dạy tốt chương trình Giáo dục Thể chất ở trường THCS và Tiểu học.

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được nhà trường phê duyệt, các bộ môn xây dựng chương trình chi tiết (đề cương chi tiết học phần) theo phân mô tả vắn tắt của chương trình để trình hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

Chương trình được thiết kế theo hướng đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học. Nhằm đào tạo những giáo viên đạt chuẩn, có khả năng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, biết phát hiện và giải quyết vấn đề để không ngừng tự phát triển trong sự phát triển chung của cộng đồng, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

- Đối với các học phần lý thuyết 1 tín chỉ = 15 tiết, giảng viên trực tiếp giảng dạy trên lớp 100%.

- Đối với các học phần vừa lý thuyết, vừa thực hành: 1 giờ lý thuyết = 2 giờ thực hành.

12.1. Về phương pháp dạy học.

- Đặc điểm của nhiều nội dung trong chương trình Giáo dục Thể chất là học lý thuyết gắn liền với tập luyện. Tập luyện là hình thức học tập đặc thù của Giáo dục Thể chất. Chỉ có thông qua tập luyện mới hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động giúp sinh viên trở thành giáo viên Giáo dục Thể chất không chỉ biết nói, mà còn làm mẫu một cách chính xác những gì cần dạy cho học sinh, do đó phải dành nhiều thời gian cho thực hành.

- Trong giờ thực hành, phần giảng về nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp không giảng giải dài dòng, mà cần đổi mới phương pháp dạy hoặc bằng cách đưa ra những thông tin chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu để sinh viên dễ nhớ, nhớ lâu, tranh thủ được thời gian cho sinh viên tập luyện.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học sao cho giờ học sinh động, hấp dẫn, hiệu quả cao. Tổ chức giờ học theo phân nhóm không và có quay

vòng, phối hợp hợp lý giữa tập lần lượt với tập đồng loạt để giảm thời gian sinh viên chờ đợi. Tăng cường áp dụng phương pháp trò chơi và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên tự quản và tham gia đánh giá.

- Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu tạo điều kiện cho sinh viên tự nâng cao trình độ. Nội dung các học phần bám sát chương trình Giáo dục Thể chất ở THCS để đáp ứng nhu cầu đào tạo, chuẩn bị cho sinh viên có khả năng giảng dạy tốt chương trình Giáo dục Thể chất ở THCS.

12.2. Về đánh giá kết quả học tập.

- Thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHPY ngày 03/8/2015 về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng trường Đại học Phú Yên.

- Phân đấu thi đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp III các môn Điền kinh, tối thiểu đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp II quy định theo lứa tuổi của Tổng cục TDTT.



TS. Nguyễn Đình